

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2019

KẾT QUẢ THI LẠI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
Kỳ thi Tháng 10/2019

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi		
						Toán	Lý	Hóa
1	15000313	Phạm Thanh	Hiền	20/10/2000	15TC-Đ	9.0	9.0	7.5
2	15000171	Đỗ Khắc	Huy	08/11/2000	15TC-Ô	5.8	7.8	6.5
3	15000268	Trương Lê Anh	Khoa	12/05/2000	15TC-QTM	6.3	8.0	2.8
4	16000131	Khổng Tuyết	Minh	05/03/2001	16TC-MTT	7.3	7.3	2.3
5	16000417	Huỳnh Ngọc Bảo	My	24/10/2001	16TC-MTT	7.8	7.0	5.8
6	16000245	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	26/09/2001	16TC-MTT	5.8	9.0	5.3
7	16000231	Nguyễn Thành	Luân	17/12/2001	16TC-Ô1	5.8	9.0	7.5
8	16000404	Trần Lê Thành	Nhân	21/04/2000	16TC-Ô1	8.0	9.5	6.8
9	16000738	Ngô Minh	Lợi	19/04/1998	16TCT-Ô1		VẮNG	
10	16000737	Phạm Hoàng	Lắm	10/09/1998	16TCT-Ô2		VẮNG	
11	15001347	Nguyễn Hoàng	Nhật	19/09/1998	15TCN-LĐL	6.5	7.3	2.3
12	15001606	Trần Bách	Tùng	6/5/2000	15TCN-LĐL		VẮNG	
13	15000295	Trần Thị Thảo	Sương	10/5/2000	15TCN-MTT	6.8	8.3	6.0
14	15000030	Trương Đức	Huy	05/07/2000	15TCN-Ô1	5.0	3.8	6.3
15	15000122	Nguyễn Văn	Kha	09/04/2000	15TCN-Ô1	5.0	7.3	7.0
16	15000120	Lưu Quốc	Liêm	22/08/2000	15TCN-Ô1	7.8	8.0	5.0
17	15003399	Phạm Võ Quang	Duy	16/5/2000	15TCN-QTM1	9.0	9.3	5.0
18	16000513	Phan Lâm	Tân	04/09/2001	16TCN-CKL	8.3		
19	16000470	Nguyễn Trung	Đoàn	31/01/2000	16TCN-Đ	9.0	9.5	7.5
20	16003499	Nguyễn Hoàng	Hải	17/06/1999	16TCN-Đ	6.3	9.5	5.5
21	16003124	Nguyễn Long	Hải	11/02/2001	16TCN-Đ	6.5	7.5	5.0
22	16000251	Nguyễn Quang Mạnh	Hoàng	08/12/2001	16TCN-Đ	4.0	9.5	6.8
23	16000510	Trần Thế	Luyến	16/10/2001	16TCN-Đ	6.0	9.3	5.0

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Môn thi		
					Toán	Lý	Hóa
24	16000614	Lữ Hoài Phong	04/09/2000	16TCN-Đ	5.0	6.0	3.5
25	16000422	Nguyễn Hoàng Phúc	12/09/2000	16TCN-Đ	5.8	5.8	3.5
26	16000219	Nguyễn Văn Toàn	30/06/2001	16TCN-Đ	6.8	6.8	5.0
27	16000265	Nguyễn Anh Tú	30/09/2001	16TCN-Đ	7.8	7.3	6.0
28	16000013	Vũ Trương Thái	27/08/2001	16TCN-ĐT	5.3	9.5	6.8
29	16000564	Vũ Minh Thanh	12/02/2001	16TCN-ĐT	6.3	8.3	5.0
30	16001690	Nguyễn Thành Danh	07/07/2001	16TCN-LĐL1	6.0		
31	16000599	Trần Minh Kiệt	13/09/2000	16TCN-LĐL1	5.0	6.3	5.0
32	16000113	Trần Văn Quý	01/01/2001	16TCN-LĐL1	5.0	8.3	2.3
33	16001500	Ngọc Long Thiên	12/10/2001	16TCN-LĐL1	5.0	6.8	3.8
34	16002030	Lê Vũ Công Truyền	13/01/2000	16TCN-LĐL1	5.0	6.3	1.8
35	16000681	Hoàng Đình Vinh	07/07/2001	16TCN-LĐL1	0.8	6.0	3.0
36	16000935	Bùi Xuân Đường	02/01/2000	16TCN-Ô1	5.3	8.0	7.8
37	16000477	Nguyễn Hoàng Hiệp	15/02/2001	16TCN-Ô1	7.5	9.5	5.3
38	16000590	Lê Thành Huy	15/12/2000	16TCN-Ô1	5.3	8.3	2.0
39	16003614	Trần Huy Nam	02/09/2000	16TCN-Ô1	5.8	6.3	2.8
40	16000475	Lê Thành Thắng	01/05/2001	16TCN-Ô1	5.3	6.0	5.0
41	16000589	Trần Thị Mỹ Huyền	13/6/2001	16TCN-QTD	6.5	6.0	5.0
42	16003629	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	07/07/2000	16TCN-QTD	VẮNG	VẮNG	
43	16000248	Nguyễn Thanh Bình	15/09/2001	16TCN-QTM1	5.0	6.0	3.8
44	16001779	Đặng Xuân Lộc	25/07/2000	16TCN-QTM1	5.0	5.5	4.0
45	16000189	Hoàng Sơn	13/10/2001	16TCN-QTM1	5.8	7.0	5.0
46	16002525	Trần Thái Sơn	07/12/2001	16TCN-QTM1	5.8	7.0	2.3
47	16000168	Tô Cẩm Tường	07/08/2000	16TCN-QTM1	5.0	6.0	7.3
48	16000466	Sai Trùng Xanh	09/01/2001	16TCN-QTM1	5.3	7.5	5.8
49	18003193	Nguyễn Tăng Công	17/05/1999	18T2-CNÔ1			6.3
50	18004948	Lê Thị Thanh Diệu	10/04/2000	18T2-CNÔ1			5.0
51	18002998	Nguyễn Huân Kiệt	27/03/2000	18T2-CNÔ1		6.5	
52	18004006	Bùi Phi Long	30/04/2000	18T2-CNÔ1		6.0	6.0

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi		
						Toán	Lý	Hóa
53	18003591	Võ Thành	Nhân	08/03/1996	18T2-CNÔ1			2.5
54	18004483	Lê Nguyễn Hồng	Nhật	25/10/1999	18T2-CNÔ1	VẮNG		VẮNG
55	18004493	Lê	Tâm	03/11/2000	18T2-CNÔ1			6.0
56	18003156	Huỳnh Thiên	Thanh	17/09/1999	18T2-CNÔ1			7.0
57	18001537	Lê Ngọc Kim	Thanh	22/02/2000	18T2-CNÔ1			6.0
58	18003001	Nguyễn Văn	Thành	17/07/2000	18T2-CNÔ1			6.0

Tổng cộng danh sách có **58** học sinh.

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

